TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG AN** Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST Ngày: 28 – 6 – 2024 V/v tranh chấp ly hôn giữa bà T và ông L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Thành Phương.
2. Ông Nguyễn Văn Út.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Trần Tấn Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1972.
Địa chỉ: A, Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).
Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1971.
Địa chỉ: A, Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày:

Bà Võ Thị Kim T và ông Lê Văn L tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An và được cấp Giấy đăng ký kết hôn số 294 quyển số 02 ngày 07 tháng 12 năm 2001. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đôi khi có xảy ra cãi vã nhưng sau này mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do ông L thường dùng lời lẽ xúc phạm bà T và có hành vi bạo hành đối với bà, bà T đã nhiều lần nói chuyện khuyên ông L nhưng không thay đổi được.

Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn Ru L1, sinh năm 1994 và Lê Văn L2, sinh năm 1999, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn ông Lê Văn L*: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án gửi cho Tòa án và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Võ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn L. Ông Lê Văn L là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước. Bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Văn L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim T.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T và ông Lê Văn L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 294 quyển số 02 ngày 07 tháng 12 năm 2001 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày do ông L thường xuyên bạo hành đối với bà và có lời lẽ xúc phạm bà. Tại phiên tòa, bà T cương quyết xin ly hôn với ông L. Đối với ông L, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L không tham gia giải quyết vụ án và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Điều đó chứng minh rằng ông L không có thiện chí hàn gắn. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Kim T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Con chung tên Lê Văn Ru L1, sinh năm 1994 và Lê Văn L2, sinh năm 1999, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, ông L

không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T đối với bị đơn ông Lê Văn L.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Văn L.

[2] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010611 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An, bà T đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Lộc